

Bản án số: 02/2019/HSST

Ngày 04-01-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Dương;

Ông Hoàng Văn Tuấn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1). Trần Bá K1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1987 tại xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X1, xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng ; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ học vấn : lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Trần Bá X1; họ tên mẹ: Vũ Thị L1; họ tên vợ: Phạm Thị H2; có 03 con (Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: không. Danh chỉ bản số 1345 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 04-6-2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01-06-2018; bị tạm giam từ ngày 10-6-2018; hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất; có mặt.

2). Vũ Đăng N, sinh ngày 20 tháng 03 năm 1991 tại xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B1, xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Vũ Đăng K2; họ tên mẹ: Nguyễn Thị N2; họ tên vợ: Trần Thị N3; có 02 con (Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: không. Danh chỉ bản số 1410 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 04-10-2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại; có mặt.

2.2. Bị hại:

(1). Ông Phan Văn S1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn H2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

(2). Anh Lê Đức C1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(3). Anh Nguyễn Viết N4, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N5, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(4). Anh Phan Văn V2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn H2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2.3. Người làm chứng:

(1). Anh Phạm Văn T 4, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn H2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(2). Ông Nguyễn Viết T5, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn N5, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(3). Anh Vũ Văn T6, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn V3, xã A1, huyện Q1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(4). Ông Vũ Đăng K 2, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn B1, xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng- là bố đẻ bị cáo N1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo K1 và bị cáo N1 là bạn cùng xã H1, huyện V1, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản ; riêng bị cáo K1 còn một mình thực hiện hai vụ trộm cắp khác, đều trên địa bàn huyện T, tỉnh Thái Bình Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất Hồi 13 giờ ngày 14-11-2017, bị cáo K1 mang theo vạm phá khóa đến xã T1 trộm cắp chiếc xe nhãn hiệu Honda SH150i, màu sơn đỏ- đen- xám biển kiểm soát 17B6- 08299, số khung RLHKE41DY025776, số máy KF14E- 0025836 trị giá 55.000.000 đồng của ông Phan Văn S1 khi ông dựng xe trong ngõ gần đường đi thuộc địa phận thôn T, xã T1. Bị cáo bán xe cho người không biết tên tuổi địa chỉ với giá 12.000.000 đồng. Ngày 18-11-2017, khi Công an huyện Đ1 kiểm tra hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đã thu giữ chiếc xe nhãn hiệu Honda SH150i, màu sơn đỏ- đen- xám biển kiểm soát 17B3- 244.54 do chị Nguyễn Thị C2 điều khiển Kết quả giám định xác định Số khung, số máy của xe thu giữ từ chị C2 trùng với chiếc xe bị mất của ông S1.

Vụ thứ hai: Hồi 08 giờ ngày 15-11-2017, bị cáo K1 mang theo vạm phá khóa trộm cắp chiếc xe nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 17B1- 64025 trị giá 5.000.000 đồng của anh Lê Đức C1 khi anh dựng xe tại khu vực lán công trường xây dựng 456 thuộc địa phận thôn H, xã T8, huyện T2. Bị cáo bán xe giá 4.000.000 đồng cho người không biết tên địa chỉ . Tháng 02-2018, anh C1 đã mua lại chiếc xe này với giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Hồi 09 giờ ngày 24-5-2018, bị cáo K1 rủ bị cáo N1 đi trộm cắp tài sản; bị cáo N1 đồng ý và sử dụng chiếc xe YAMAHA Exiter chở bị cáo K1 đi đến địa bàn huyện T2. Trên đường đi khi đến cửa hàng vật liệu Q thuộc địa phận thôn N, xã T3, huyện Thái Thụy các bị cáo phát hiện thấy chiếc xe mô tô dựng tại trước cửa hàng

không có người trông coi chìa khóa vẫn cắm tại xe lại không có người trông coi Bị cáo N1 điều khiển xe dừng ở gần và đứng cạnh xe rồi bị cáo K1 xuống xe đi bộ đến gần, dong ra ngoài rồi nổ máy xe. Sau đó, bị cáo K1 đi xe vừa trộm cắp đi trước bị cáo N1 đi theo sau, cả hai đến nhà anh T6 nhờ anh tìm nơi cắm cổ. Đây là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6- 22400 của anh Nguyễn Viết N 4 trị giá 34.000.000đồng. Do anh T6 chưa cắm cổ xe nên chiếc xe đã được thu hồi trả cho anh N4.

Vụ thứ tư: Hồi 09 giờ ngày 01-6-2018, bị cáo K1 rủ bị cáo N1 đi sang tỉnh Thái Bình chơi. Bị cáo N1 đồng ý và sử dụng chiếc xe YAMAHA Exiter chở bị cáo K1 đi đến địa bàn huyện T2. Trên đường đi, khi đến thôn H2, xã T1 thì bị cáo K1 phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 17B6- 141.44 dựng trước cửa nhà anh V2, chìa khóa vẫn để tại xe nên nảy sinh ý định trộm cắp. Thấy không có người trông coi nên bị cáo N1 dừng xe gần đó; còn bị cáo K1 xuống xe, đi bộ đến gần, nổ máy điều khiển xe về phía cầu phà sông H3, bị cáo N1 đi theo sau. Anh Phạm Văn T4 cùng lực lượng Công an huyện T2 đã cùng nhau đuổi theo sau đó bắt giữ bị cáo K1 cùng chiếc xe trộm cắp. Bị cáo N1 bỏ chạy, ngày 03-10-2018 đến Cơ quan điều tra đầu thú. Đây là chiếc xe mô tô trị giá 10.000.000đồng của anh Phan Văn V2.

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản bắt người phạm tội quả tang ; Các biên bản khám nghiệm hiện trường ; Các sơ đồ hiện trường ; Biên bản quản lý đồ vật ; Kết luận định giá tài sản ; Đơn trình báo và lời khai bị hại là ông S 1, anh C1, anh N4 và anh V2; lời khai người làm chứng là anh T4, anh T5, anh T6 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng là 04 chiếc xe mô tô đã được Cơ quan điều tra trả cho ông S1, anh V1, anh C1, và anh N4. Các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy gồm: 01 biển kiểm soát 17B3- 24454; các vật chứng thu giữ từ bị cáo K1 gồm: 01 điện thoại NOKIA; 03 chìa khóa xe máy; 210.000đồng tiền mặt.

Tại phiên tòa, bị cáo K1 xác định: Bị cáo và bị cáo N1 cùng nhau thực hiện cả 4 vụ trộm cắp xe mô tô. Ngày 14-11-2017, hai bị cáo trộm cắp xe Honda SH, bị cáo bán xe giá 12.000.000đồng; ngày 15-11-2017, hai bị cáo trộm cắp xe nhãn hiệu Sirius, bán với giá 4.000.000đồng. Ngày 24-5-2018, hai bị cáo trộm cắp xe Airblade biển kiểm soát 17B6- 22400; sau khi trộm cắp thì bị cáo K1 giao xe cho anh T6 nhờ cắm cổ. Ngày 01-6-2018, hai bị cáo trộm cắp xe Dream biển kiểm soát 17B6- 141.44; trên đường chạy trốn thì bị cáo bị bắt giữ cùng chiếc xe trộm cắp.

Tại phiên tòa, bị cáo N1 xác định: Bị cáo và bị cáo K1 cùng nhau thực hiện hai vụ trộm cắp : Ngày 24-5-2018, trộm cắp xe nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6- 22400; sau đó bị cáo K1 giao xe cho anh T6. Ngày 01-6-2018, trộm cắp xe Dream biển kiểm soát 17B6- 141.44. Bị cáo không tham gia các vụ trộm cắp, không bán xe trộm cắp trong hai ngày 14-11-2017 và 15-11-2017. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh N4 số tiền 3.000.000đồng, không yêu cầu bị cáo K1 trả bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Phan Văn S1 trình bày: Hồi 13 giờ 40 ngày 14-11-2017, ông bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i biển kiểm soát 17B5- 082.99 khi ông để xe tại ngõ đại thôn T7, xã T1. Các tài sản bị mất cùng với chiếc xe gồm: mũ bảo hiểm, áo khoác, clê mỏ lét để sửa máy móc trong xây dựng. Hiện nay,

ông đã nhận được xe bị mất gương hỏng khóa Ông yêu cầu bị cáo bồi thường các chi phí: Thay khóa 3.000.000đồng, mua biển số mới thay thế: 2.000.000đồng, làm lại sơn xe: 200.000đồng, thay gương: 100.000đồng và các tài sản bị mất : Mũ bảo hiểm : 200.000đồng, áo khoác : 100.000đồng, chìa khóa : 250.000đồng; tổng cộng : 5.850.000đồng.

Bị hại là anh Lê Đức C1 trình bày: Hồi 12 giờ 00 ngày 15-11-2017, anh bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius biển kiểm soát 17B1- 64025 tại xã T8. Tháng 02-2018, anh gặp một người đi xe của anh nên đã mua lại xe với giá 3.000.000đồng. Anh yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000đồng.

Bị hại là anh Nguyễn Viết N4 trình bày: Sáng ngày 24-5-2018, anh bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 17B6- 22400 tại thôn N5, xã T3. Hiện nay anh đã nhận được xe đã được bị cáo N1 bồi thường 3.000.000đồng sửa khóa và gương Vì vậy, anh không có yêu cầu gì thêm anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo

Bị hại là anh Phan Văn V2 trình bày: Sáng ngày 01-6-2018, anh bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 17B6- 141.44 tại thôn H2, xã T1. Hiện nay anh đã nhận được xe nên anh không yêu cầu bồi thường

Lời khai của những người làm chứng:

Anh Vũ Văn T6 trình bày: Ngày 24-5-2018, bị cáo K1 nhờ anh cầm cố hộ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade. Ngày 04-6-2018, anh được Công an huyện Thái Thụy thông báo đó là chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có nên anh tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Anh không có yêu cầu gì.

Anh Phạm Văn T4 đã xác nhận việc anh cùng mọi người đuổi theo hai người thanh niên trộm xe của anh V2 ngày 24-5-2018; bắt giữ bị cáo K1 cùng xe trộm cắp; còn bị cáo N1 chạy thoát.

Ông Nguyễn Viết T5 trình bày: Khi phát hiện hai thanh niên trộm cắp xe của anh N4 thì ông đã hô mọi người đuổi bắt nhưng không được.

Bản cáo trạng số 117/CT-VKS ngày 21-11-2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Khiêm về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173; truy tố bị cáo Nhân về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo K1, bị cáo N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị:

-Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo K1 từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

-Khoản 1 Điều 173; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo N1 từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

- Điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:
+Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 17B3- 24454;

+Trả lại bị cáo K 01 điện thoại NOKIA; 03 chìa khóa xe máy.và 210.000đồng tiền mặt.

-Đề nghị: Không áp dụng hình phạt bổ sung;

-Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự ; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự : Buộc bị cáo K1 bồi thường cho anh C1 số tiền 3.000.000đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận bị cáo K 1 bồi thường cho ông S1 số tiền 5.000.000đồng.

-Các bị cáo phải chịu án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K1 xác định đã thực hiện 4 vụ trộm cắp xe mô tô; bị cáo N1 trình bày đã cùng bị cáo K1 thực hiện 2 vụ trộm cắp xe mô tô. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án . Các bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp . Bị cáo K1 tự mình thực hiện hai vụ trộm cắp : Ngày 14-11-2017, trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i trị giá 55.000.000đồng; Ngày 15-11-2017, trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Sirius trị giá 5.000.000đồng. Bị cáo K1 cùng bị cáo N1 thực hiện hai vụ trộm cắp khác : Ngày 24-05-2018, trộm cắp xe mô tô Airblade trị giá 34.000.000đồng; ngày 01-6-2018, trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Dream trị giá 10.000.000đồng. Như vậy, bị cáo K1 trộm cắp 4 vụ, tổng giá trị 104.000.000đồng; bị cáo N1 trộm cắp 2 vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 44.000.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” trong đó bị cáo K1 vi phạm điểm c khoản 2; bị cáo N1 vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....;

c) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*
.....”.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo K1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173; truy tố bị cáo N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó:

- Bị cáo K1, bị cáo N1 phải chịu một tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo nên cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo K1 tự thú hai vụ trộm ngày 14-11-2017, ngày 15-11-2017 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo N1 tự nguyện bồi thường, đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù với cả hai bị cáo. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

Bị cáo K1, bị cáo N1 đều là những người thực hành tích cực trong hai vụ trộm cắp; bị cáo K1 còn một mình thực hiện hai vụ án khác. Vì vậy, bị cáo Khiêm giữ vai trò chính; bị cáo N2 giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Bị cáo K1 trình bày: Bị cáo N1 cùng bị cáo tham gia trộm cắp vụ ngày 14-11-2017; ngày 15-11-2017. Nhưng bị cáo N1 và ông K2 xác định: Hai ngày 14-11-2017; ngày 15-11-2017, bị cáo N1 bị ốm ở nhà thì bị cáo K1 không trình bày gì thêm. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định.

- Anh T6 là người nhận xe để cầm cố cho các bị cáo nhưng anh không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Chị C2 nhận cầm cố tài sản là chiếc xe SH 150i nhưng chị chỉ biết người đến cầm cố xe tên là Đỗ Tuấn A1 mà không biết địa chỉ. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T6, chị C2; không có cơ sở xác định người cầm cố tài sản cho chị C2, không có cơ sở xem xét yêu cầu của chị C2.

- Bị cáo K1 trình bày: Khi trộm cắp xe của anh C1, bị cáo bán cho người không biết tên, địa chỉ. Anh C1 trình bày: Tháng 02-2018, anh thấy người đàn ông

đi xe mô tô mà anh bị mất từ tháng 11-2017 nên anh đã mua lại chính chiếc xe đó nhưng không biết họ tên, địa chỉ người bán nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

-Anh C1 yêu cầu bồi thường khoản tiền anh đã chi ra để mua lại chiếc xe của anh bị mất là 3.000.000đồng. Cần áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo K1 bồi thường cho anh C1 số tiền 3.000.000đồng.

-Tại phiên tòa, bị cáo K1 và ông S1 đã thống nhất với nhau: Bị cáo K1 bồi thường cho ông S1 số tiền 5.000.000đồng. Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

-Bị hại là các anh Phan Văn V2, anh Nguyễn Viết N4 đã nhận tài sản, đã nhận tiền bồi thường nên các anh đều không yêu cầu bồi thường thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[6]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho ông Phan Văn S1: 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i; đã trả cho anh Lê Đức C1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 17B1-64025; đã trả cho anh Nguyễn Viết N4: 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade; đã trả cho anh Phan Văn V2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 17B6- 147144.

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã thu giữ từ bị cáo K1: 01 điện thoại NOKIA; 210.000đồng tiền mặt và 03 chìa khóa xe máy. Đây là tài sản của bị cáo K1, không liên quan đến tội phạm nên cần trả cho bị cáo.

- 01 biển kiểm soát 17B3- 24454, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

-Các vật chứng cơ quan điều tra không thu hồi được: 01 vạm phá khóa, 01 biển kiểm soát số 17B6- 08299; 01 biển kiểm soát số 17B6- 22400 và 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA Exiter.

-Bị cáo K1 trình bày: Trong hai ngày 14-11-2017 và ngày 15-11-2017, bị cáo bán hai xe trộm cắp với giá 12.000.000đồng và 4.000.000đồng, cộng 16.000.000đồng. Bị cáo phải thanh toán cho ông S 1 số tiền 5.000.000đồng và anh Chính số tiền 3.000.000đồng; cộng 8.000.000đồng. Như vậy, bị cáo K 1 đã thu lợi bất chính 8.000.000đồng, cần áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Khiêm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần trách nhiệm dân sự phải bồi thường là 400.000đồng(=5% x 8.000.000đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Bá K1, bị cáo Vũ Đăng N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

2.1. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, điểm r khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo K1: 03 (Ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01-06-2018.

2.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s, điểm r khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N1: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

-Buộc bị cáo K1 bồi thường cho anh C1 số tiền 3.000.000đồng.

-Chấp nhận sự thỏa thuận: Bị cáo K1 bồi thường cho ông S 1 số tiền 5.000.000đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 17B3- 24454.

-Trả lại bị cáo 01 điện thoại NOKIA; 03 chìa khóa xe máy và 10.000đồng.

-Tịch thu từ bị cáo K1: 8.000.000đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22-11-2018 gồm: 01 biển kiểm soát 17B3- 24454; 01 điện thoại NOKIA; 03 chìa khóa xe máy và 10.000đồng.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo K1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự và 400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; cộng là 600.000đồng. Bị cáo N1 phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; đối với người có mặt, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng